

Bản án số:04/2022/HSST
Ngày 12/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

-Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Liễu, Nghề nghiệp: Hiệu trưởng Trường THPT Đinh Tiên Hoàng, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Bà Tạ Thị Hải, Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên – Chủ tịch hội khuyến học huyện K, tỉnh Gia Lai.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Dịu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2021/HSST, ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Siu Th, sinh ngày 01/01/2006 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông K, sinh năm 1974 và bà S, sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Ksor H'Nh, sinh ngày 24/10/2005; trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người đại diện hợp pháp của chị Ksor H'Nh: Ông Siu N, sinh năm 1954; trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Siu Th: Ông K, sinh năm 1974 và bà Siu H, sinh năm 1977; cùng trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Siu Thương: Bà Ngô Thị V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người làm chứng:

Chị Rcom H'T , sinh ngày 03/6/2004; trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của chị Rcom H'T : Ông Siu T , sinh năm 1984; trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông Nay Dăm Tr , sinh năm 1986; trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NHẬN THẤY:

Vào khoảng 19 giờ ngày 06/7/2021, sau khi đi uống rượu, Siu Th đi bộ về nhà ở buôn T, xã Chư D , huyện K theo đường Đông Trường Sơn. Trên đường đi về ngang qua nhà Ksor H'Nh ở cùng buôn, Th nhìn thấy H'Nh đang ngồi một mình trước hiên nhà chơi điện thoại. Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên tay của H'Nh . Th đã lén lút đi vào bên hông nhà sàn nơi H'Nh đang ngồi để tiếp cận. Khi đến gần chỗ H'Nh , Th bất ngờ dùng tay phải giật mạnh chiếc điện thoại trên tay H'Nh rồi bỏ chạy. H'Nh chạy đuổi theo hô “cướp, cướp” nhưng không kịp. Th chạy thoát đã mang điện thoại vừa cướp được mang về giấu tại nhà chú ruột là Siu T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐG ngày 08/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART VOS3.0, màu xanh dương số IMEI1: 356743100312979; số IMEI2: 356743100312989, bên trong có gắn 01 thẻ sim có số thuê bao 0928897833 trị giá 1.350.000 đồng.

Tại phiên tòa, Siu Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá, các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện K cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đối với vụ án.

Người bị hại có mặt tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra và truy tố không có khiếu nại các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện K cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đối với vụ án.

Về vật chứng vụ án:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART VOS3.0, màu xanh dương số IMEI1: 356743100312979; số IMEI2: 356743100312989, bên trong có gắn 01 thẻ sim có số thuê bao 0928897833, đã trả lại cho bị hại là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo Siu Th đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Ksor H'Nh số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí sửa chữa khắc phục thiệt hại, bị hại đồng ý không yêu cầu thêm về dân sự.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Siu Th về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g, Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Siu Th về tội “Cướp giật tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, 90, 91, 98 và Điều 101 của BLHS: xử phạt bị cáo Siu Th: từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không cần xem xét đến nữa.

Về án phí: Đề nghị miễn nộp án phí Hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện K về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Vào khoảng 19 giờ ngày 06/7/2021, Siu Th đã có hành vi bí mật lén lút tiếp cận chị Ksor H’Nh, sau đó công khai, nhanh chóng chiếm đoạt chiếc điện thoại VSMART VOS3.0, màu xanh dương trị giá 1.350.000đ trên tay của chị H’Nh rồi bỏ chạy.

Lời nhận tội của bị cáo Siu Th tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Siu Th đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 171 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Siu Th về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với bị hại tại thời điểm bị hại chưa đủ 16 tuổi nên bị cáo bị xét xử theo điểm g, khoản 2 Điều 171 của BLHS là phù hợp.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo Siu Th là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được sự nguy hiểm của hành vi lén lút tiếp cận và nhanh chóng chiếm đoạt chiếc điện thoại của bị hại rồi bỏ chạy là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì muốn có điện thoại để sử dụng nhưng lại lười lao động mà muốn hưởng thành quả trên sức lao động của người khác, bị cáo đã lợi dụng sơ hở cũng như sự chủ quan trong quản lý tài sản của bị hại để chiếm đoạt đến cùng. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính trừng trị, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trên địa bàn huyện K.

Tuy nhiên cần xét bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ và nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng. Ngoài ra bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên bị cáo được áp dụng thêm Điều 90, 91, 98 và khoản 2 Điều 101 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, không đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa chung đối với đối với một tầng lớp thanh thiếu niên lười lao động, ham chơi bởi lâu lỏng dẫn đến hành vi phạm tội đang có chiều hướng gia tăng nhất là trong khu vực dân cư đồng bào dân tộc thiểu số.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí sửa chữa khắc phục thiệt hại, bị hại đồng ý và không yêu cầu thêm về dân sự, nên HĐXX không xem xét đến vấn đề này nữa.

[6] *Về án phí:* Xét cho bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Siu Th phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 90, 91, 98 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Siu Th 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Siu Thương không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (12/01/2022) theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. K (02 bản);
- Công an h. K (01 bản);
- Bị cáo, người ĐDHP (02 bản);
- Bị hại; người ĐDHP hại (02 bản)
- Người bào chữa (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Dung